

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02 /2015/QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 09 tháng 01 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Số: S.
Ngày: 14/1/2015

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2012 và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2012 và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 01 năm 2015; đăng Báo Cần Thơ chậm nhất là ngày 14 tháng 01 năm 2015 và thay thế Quyết định số 14/2011/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, ban ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- Ban TĐKT Trung ương;
- TT. Thành ủy, TT. HĐND thành phố;
- Thành viên HĐ.TĐKT thành phố;
- Văn phòng Thành ủy và các Ban Đảng;
- UBMTTQ và các Đoàn thể thành phố;
- Các sở, ban ngành thành phố;
- UBND quận, huyện;
- TT Công báo và Website Chính phủ;
- Báo Cần Thơ, Chi cục Văn thư - Lưu trữ;
- Lưu: VT. Hành

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Hùng Dũng

QUY ĐỊNH

Về công tác thi đua, khen thưởng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 02 /2015/QĐ-UBND
ngày 09 tháng 01 năm 2015 của UBND thành phố Cần Thơ)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định các hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn, tỷ lệ danh hiệu thi đua, khen thưởng; quy trình xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; thủ tục hồ sơ đề nghị khen thưởng. Các nội dung về công tác thi đua, khen thưởng có liên quan không quy định tại văn bản này được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các tập thể, cá nhân trong các cơ quan nhà nước; đơn vị sự nghiệp; nhân dân lao động; tổ chức chính trị; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội; tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế; đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân trên địa bàn thành phố; cá nhân, tổ chức người nước ngoài tự nguyện đăng ký thi đua và có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đều được xem xét khen thưởng theo quy định.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua và căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua

Thi đua được thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện, tự giác, công khai, trên cơ sở đảm bảo tinh thần đoàn kết và phát triển. Phát động phong trào thi đua phải gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị và phải xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua cụ thể. Các tập thể, cá nhân tham gia phong trào thi đua phải có đăng ký thi đua. Việc xét tặng các danh hiệu thi đua sẽ căn cứ vào nội dung đăng ký thi đua, kết quả thực hiện các chỉ tiêu thi đua hàng năm.

Điều 4. Nguyên tắc khen thưởng và căn cứ xét khen thưởng

1. Khen thưởng theo thành tích, công trạng đạt được là hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trên nguyên tắc chính xác, công khai, công bằng, kịp thời, phạm vi ảnh hưởng của thành tích đến đâu khen thưởng đến đó; không trình khen nhiều lần cho một đối tượng trong một năm, ở cùng một cấp, trừ thành tích xuất sắc đột xuất; không tặng nhiều hình thức khen thưởng cho một thành tích đạt được. Thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng lớn được xem xét, đề nghị khen thưởng với mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng cá nhân là người trực tiếp lao động, công tác, chiến đấu (công nhân, nông dân, chiến sĩ và cá nhân có nhiều sáng tạo trong lao động, công tác).

- Không xét tặng danh hiệu thi đua và xét khen thưởng đối với cá nhân đang bị kỷ luật; chưa xét tặng danh hiệu thi đua và xét khen thưởng đối với cá nhân đang xem xét kỷ luật, có đơn thư tố cáo, có vụ việc sai phạm bị báo chí phản ánh và đang trong quá trình thanh tra, kiểm tra.

2. Khen thưởng theo chuyên đề (hoặc theo đợt) là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đã đạt được thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua và được tổng kết như:

a) Tổng kết các phong trào thi đua chuyên đề do Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là Chủ tịch UBND) thành phố phát động, việc khen thưởng được thực hiện trên nguyên tắc lấy kết quả thực hiện so với chỉ tiêu kế hoạch được giao và để xét khen thưởng, đảm bảo tính chính xác, công bằng.

b) Tổng kết các phong trào thi đua chuyên đề do Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương phát động. Việc khen thưởng chỉ thực hiện khi có Kế hoạch tổ chức phong trào thi đua, đăng ký các chỉ tiêu thi đua, hình thức khen thưởng cụ thể; hàng năm báo cáo đánh giá kết quả thực hiện được thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng (sau đây viết tắt là Hội đồng TĐKT) thành phố theo dõi, tổng hợp; Tổng kết giai đoạn được tiến hành từ 03 năm hoặc 05 năm và được Thành ủy, UBND thành phố phê duyệt; đối tượng khen thưởng ưu tiên ở cơ sở và cá nhân trực tiếp lao động, sản xuất, công tác.

3. Khen thưởng đột xuất là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đã đạt được thành tích đột xuất trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu; dũng cảm cứu người, tài sản của nhân dân (thành tích lập được trong hoàn cảnh không được dự báo trước, diễn ra ngoài dự kiến kế hoạch công việc bình thường mà tập thể, cá nhân phải đảm nhiệm); có phạm vi ảnh hưởng lớn, có tác dụng nêu gương học tập trong toàn ngành, toàn thành phố, toàn quốc được cơ quan có thẩm quyền công nhận và đề nghị khen thưởng ngay sau khi lập được thành tích.

Điều 5. Tỷ lệ công nhận danh hiệu thi đua và trình khen thưởng

1. Đối với danh hiệu thi đua:

a) Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến".

b) Tỷ lệ đề nghị công nhận danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp thành phố", không quá 50% trong số cá nhân đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" 3 lần liên tục của cơ quan, đơn vị.

c) Tỷ lệ đề nghị công nhận danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" không quá 60% tập thể đạt danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" trong cơ quan, đơn vị.

2. Đối với hình thức khen thưởng thành tích, công trạng (khen hàng năm)

a) Cơ sở đánh giá thể nào là hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Đối với tập thể phải được cấp ủy đảng công nhận chi bộ đạt "Trong sạch vững mạnh". Đối với cá nhân phải được thủ trưởng cơ quan, đơn vị đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

b) Không xem xét khen thưởng, đối với cá nhân là lãnh đạo mà trong năm đó đơn vị bị cơ quan cấp trên trực tiếp phê bình bằng văn bản. Đối với cá nhân là cấp phó được phân công theo dõi các lĩnh vực, trên cơ sở kết quả cụ thể của lĩnh vực đó, thủ trưởng đơn vị xem xét trình khen thưởng.

3. Đối với hình thức khen thưởng chuyên đề:

a) Khi Tổng kết các phong trào thi đua do thành phố phát động (trên cơ sở kế hoạch tổng kết đã được Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt), các cấp, ngành, đơn vị trình Ủy ban nhân dân thành phố khen thưởng theo tỷ lệ không quá 10% tập thể, 5% cá nhân tiêu biểu xuất sắc thuộc đối tượng xét (*trực tiếp tham gia*). Tối thiểu được đề nghị 01 tập thể, 01 cá nhân đủ tiêu chuẩn quy định. Riêng các phong trào do Bộ, ban ngành Trung ương phát động, số lượng và tiêu chuẩn khen thưởng căn cứ vào Kế hoạch của Bộ, ban ngành Trung ương. Một đối tượng trong một năm không đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố khen thưởng chuyên đề quá 02 lần.

b) Khi Tổng kết các kỳ thi, hội thi, hội diễn cấp quốc gia, khu vực và thành phố; các cơ quan, đơn vị trình Ủy ban nhân dân thành phố khen thưởng cho tập thể, cá nhân (*đối tượng trực tiếp tham gia thi, không là huấn luyện viên*) đạt được Huy chương vàng hoặc giải nhất. Riêng các kỳ thi giải Quốc tế, Châu Á, Đông Nam Á; các cơ quan, đơn vị trình Ủy ban nhân dân thành phố khen thưởng cho tập thể, cá nhân (*đối tượng trực tiếp tham gia thi đấu, không là huấn luyện viên*) đạt Huy chương vàng, bạc, đồng hoặc hạng nhất, nhì, ba.

c) Khi Tổng kết thành tích tham gia đóng góp xã hội từ thiện; các cơ quan, đơn vị trình UBND thành phố khen thưởng cho tập thể có mức đóng góp từ 100 triệu đồng trở lên; cá nhân có mức đóng góp từ 50 triệu đồng trở lên.

d) Không khen Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố cho các đối tượng (tập thể, cá nhân) khi sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện luật, pháp lệnh, nghị định khi không có kế hoạch sơ, tổng kết của Trung ương, địa phương; phục vụ hội nghị, hội thảo, diễn đàn,... và thực hiện nhiệm vụ theo chức năng của cơ quan, đơn vị được giao.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA,

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Mục 1

TỔ CHỨC PHÁT ĐỘNG THI ĐUA

Điều 6. Hình thức, nội dung, cách thức tổ chức và phát động phong trào thi đua

1. Hình thức thi đua, nội dung tổ chức phong trào thi đua được thực hiện theo quy định tại Điều 15, 16 Luật Thi đua, Khen thưởng; Điều 7 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và Điều 2, 3 Thông tư số 07/2014/TT-BNV.

2. Cách thức tổ chức phát động thi đua:

a) Trên cơ sở mục tiêu phấn đấu nhằm thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, hàng năm Chủ tịch UBND thành phố phát động phong trào thi đua thường xuyên, thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề trong phạm vi toàn thành phố.

b) Căn cứ nội dung phong trào thi đua do Chủ tịch UBND thành phố phát động, căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, thủ trưởng các sở, ban, ngành, các Ban Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể; Chủ tịch UBND các quận, huyện xây dựng kế hoạch thực hiện và tổ chức phát động phong trào thi đua thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương theo các nội dung cụ thể sau:

Phong trào thi đua có chủ đề, tên gọi dễ nhớ để tuyên truyền, dễ thực hiện; nội dung bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm cấp bách đề ra nội dung, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực phù hợp với điều kiện, khả năng tham gia của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Căn cứ vào nội dung, chỉ tiêu của các phong trào thi đua để xây dựng các tiêu chí đánh giá thi đua phù hợp với thực tế và để làm căn cứ khen thưởng trong các kỳ sơ kết, tổng kết.

Trong quá trình tổ chức thực hiện chú trọng công tác chỉ đạo điểm, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra, tạo mọi điều kiện để thu hút nhiều đối tượng tham gia. Nâng cao vai trò của người đứng đầu trong việc phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến, nhân tố mới, cách làm hay trong phong trào thi đua. Việc phát hiện điển hình tiên tiến phải là nhiệm vụ trọng tâm trong tổ chức các phong trào thi đua.

Điều 7. Đăng ký thi đua

1. Các đơn vị cơ sở, các đơn vị trực thuộc: Hàng năm tổ chức cho các cá nhân, tập thể trong đơn vị đăng ký phấn đấu các nội dung, chỉ tiêu thi đua, danh hiệu thi đua và gửi bản tổng hợp đăng ký thi đua đến thường trực Hội đồng TĐKT của cơ quan quản lý trực tiếp trước ngày 30/01 hàng năm.

2. Các sở, ban, ngành; các quận, huyện; Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cấp thành phố; các doanh nghiệp, các trường chuyên nghiệp: Hàng năm tổ chức cho các đơn vị trực thuộc ký kết giao ước thi đua; đăng ký các chỉ tiêu, tiêu chí thi đua; các danh hiệu thi đua và gửi bản tổng hợp đăng ký thi đua của cơ quan, đơn vị đến thường trực Hội đồng TĐKT thành phố (Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ) trước ngày 20/02 hàng năm.

3. Trưởng các cụm, khối thi đua do UBND thành phố thành lập: Hàng năm tổ chức ký kết giao ước thi đua, đăng ký phấn đấu hoàn thành các nội dung, chỉ tiêu thi đua; các danh hiệu thi đua cho các đơn vị thành viên trong cụm, khối và gửi bản tổng hợp đăng ký thi đua tới Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ trước ngày 10/3 hàng năm.

4. Đối với phong trào thi đua theo đợt do Chủ tịch UBND thành phố phát động trong một thời gian ngắn, nhằm hoàn thành kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm,

đợt xuất theo từng giai đoạn và thời gian xác định thì việc đăng ký thi đua, đánh giá, tổng kết phong trào thi đua gắn với việc tổng kết nhiệm vụ công tác năm thi đua.

5. Đối với phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch UBND thành phố phát động: Trên cơ sở kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua, các quận, huyện, các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cấp thành phố xây dựng, đăng ký các mục tiêu, chỉ tiêu thi đua, giải pháp thực hiện và kết quả phấn đấu đạt được các hình thức khen thưởng cụ thể, gửi tới Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ để theo dõi, tổng hợp.

6. Đối với các phong trào thi đua chuyên đề do Bộ, ban ngành, đoàn thể Trung ương phát động: Trên cơ sở kế hoạch của Bộ, ban ngành có đầy đủ các nội dung (theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 4 Quy định này) gửi tới Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ sau 05 ngày kể từ ngày triển khai kế hoạch.

Mục 2

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA ĐỐI VỚI CÁ NHÂN

Điều 8. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” xét tặng hàng năm cho cá nhân vào dịp tổng kết năm công tác của cơ quan, đơn vị trong năm; Đối với hệ thống giáo dục - đào tạo thực hiện vào dịp tổng kết năm học; trong năm có đăng ký thi đua và đạt các tiêu chuẩn quy định cụ thể như sau:

1.1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng cho cán bộ, công chức, viên chức đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;
- b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua;
- c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;
- d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

1.2. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” xét tặng cho công nhân, nông dân, người lao động không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1.1 Điều này đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Lao động sản xuất có hiệu quả, tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động xã hội;
- b) gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.”

2. Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01

năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

3. Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

4. Đối với cá nhân chuyển công tác, cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến” (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ).

Trường hợp được điều động, biệt phái đến cơ quan, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến”, do cơ quan, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định (có ý kiến nhận xét của cơ quan, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái).

5. Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với một trong các trường hợp: Mới tuyển dụng dưới 10 tháng, nghỉ từ 40 ngày làm việc trở lên, bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

6. Đối với cá nhân là Thủ trưởng đơn vị: Ngoài các tiêu chuẩn tại khoản 1.1 Điều này còn phải bảo đảm các điều kiện sau: Cơ quan, đơn vị phải đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến (đối với đơn vị cơ sở, đơn vị trực thuộc), hoặc phải có từ 1/2 trở lên số đơn vị trực thuộc trực tiếp đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” (đối với các sở, ban, ngành, đơn vị tương đương; các quận, huyện); tổ chức đảng, đoàn thể xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên. Trong cơ quan, đơn vị không có cá nhân vi phạm bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

Điều 9. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Là “Lao động tiên tiến”;

b) Có sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được cơ quan, tổ chức, đơn vị công nhận.

2. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học do Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp cơ sở giúp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, công nhận. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở giúp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, công nhận.

3. Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp cơ sở do Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” quyết định thành lập. Thành phần Hội đồng gồm những thành viên có trình

độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và các thành viên khác (nếu cần thiết).

4. Đối với cá nhân là Thủ trưởng đơn vị: Ngoài các tiêu chuẩn tại Khoản 1 Điều này còn phải bảo đảm các điều kiện sau: Cơ quan, đơn vị phải hoàn thành tốt các chỉ tiêu thi đua và các chỉ tiêu kế hoạch trong năm; đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến (đối với các tập thể nhỏ, đơn vị cơ sở, đơn vị trực thuộc), hoặc phải có từ 2/3 trở lên số đơn vị trực thuộc trực tiếp đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến (đối với các sở, ban, ngành, đơn vị tương đương; các huyện, thành phố); tổ chức đảng, đoàn thể xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; trong cơ quan, đơn vị không có cá nhân vi phạm kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

Điều 10. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp thành phố”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp thành phố” được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có ba lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở. Thành tích, sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu của cá nhân đó có tác dụng ảnh hưởng đối với thành phố và do Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp thành phố xem xét.

2. Đối với cá nhân là Thủ trưởng đơn vị: Ngoài các tiêu chuẩn tại khoản 1 Điều này còn phải bảo đảm các điều kiện sau:

a) Đối với Thủ trưởng đơn vị cơ sở và đơn vị trực thuộc: 3 năm liên tục đến thời điểm trình khen, tập thể phải đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, trong đó có 01 lần đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc.

b) Đối với Thủ trưởng tập thể có quy mô lớn: 3 năm liên tục đến thời điểm trình khen, cơ quan, đơn vị phải hoàn thành tốt toàn diện các chỉ tiêu thi đua và các chỉ tiêu kế hoạch, hàng năm phải có từ 2/3 trở lên số đơn vị trực thuộc trực tiếp đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, trong đó có ít nhất 01 lần được tặng bằng khen hoặc cờ thi đua thành phố.

Điều 11. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 4 Thông tư 07/2014/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

Mục 3

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA ĐỐI VỚI TẬP THỂ

Điều 12. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm vào dịp tổng kết năm công tác. Đối với hệ thống giáo dục - đào tạo thực hiện vào dịp tổng kết năm học; trong năm có đăng ký thi đua cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;
2. Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;

3. Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu Lao động tiên tiến và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
4. Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Điều 13. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” được xét tặng hàng năm vào dịp tổng kết năm công tác. Đối với hệ thống giáo dục - đào tạo thực hiện vào dịp tổng kết năm học; trong năm có đăng ký thi đua cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Sáng tạo, vượt khó, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;
- b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
- c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến;
- d) Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.
- đ) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

2. Đối tượng được xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 07/2014/TT-BNV của Bộ Nội vụ. Cụ thể như sau:

- a) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh gồm: doanh nghiệp, hợp tác xã và các đơn vị trực thuộc như xí nghiệp, phòng, phân xưởng.
- b) Đối với cấp thành phố xét tặng cho: phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp thành phố và tương đương;
- c) Đối với cấp huyện xét tặng cho: phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.
- d) Đối với đơn vị sự nghiệp gồm: trường học (theo phân cấp quản lý trên địa bàn thành phố), bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng.

Điều 14. “Cờ thi đua của UBND thành phố”

1. Đối tượng: Các đơn vị thành viên trong các cụm, khối thi đua do UBND thành phố quyết định tổ chức; các đơn vị cơ sở trực thuộc theo quản lý chuyên ngành trên địa bàn thành phố tổ chức.

2. Tiêu chuẩn: Cờ thi đua của UBND thành phố xét tặng hàng năm cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này, đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 26 Luật TĐKT và Khoản 4 Điều 16 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Số lượng: Cờ thi đua của UBND thành phố được lựa chọn, suy tôn từ các cụm, khối thi đua và được tổ chức xét chọn từ các cơ quan, đơn vị quản lý chuyên ngành trên địa bàn thành phố.

a) Đối với các cụm, khối thi đua của thành phố, căn cứ vào kế hoạch hoạt động và bình xét thi đua của UBND thành phố.

b) Đối với các sở, ban, ngành thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành trên địa bàn thành phố: Mỗi lĩnh vực xét chọn đề nghị từ 01 - 02 đơn vị tiêu biểu nhất; ngành giáo dục - đào tạo xét đề nghị 08 cơ theo các khối học (02 Mầm non, 02 Tiểu học, 02 Trung học cơ sở, 02 Trung học phổ thông và Trung tâm giáo dục thường xuyên); ngành y tế xét đề nghị 04 cơ cho khối các bệnh viện, trung tâm.

Điều 15. "Cờ thi đua của Chính phủ"

Đối tượng, tiêu chuẩn, số lượng xét tặng Cờ thi đua của Chính phủ thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 7 Thông tư 07/2014/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

Chương III

TIÊU CHUẨN CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 16. Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố

1. Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do thành phố phát động hàng năm hoặc các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương phát động khi tiến hành sơ kết, tổng kết 03 năm trở lên;

b) Lập được nhiều thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc thành phố;

c) 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

* Đối với cá nhân là Thủ trưởng đơn vị: Ngoài các tiêu chuẩn quy định tại điểm c khoản 1 Điều này còn phải bảo đảm các điều kiện sau:

Đối với Thủ trưởng đơn vị cơ sở và đơn vị trực thuộc: 02 năm liên tục đến thời điểm trình khen, tập thể phụ trách phải đạt danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến", trong đó ít nhất có 01 lần đạt danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" hoặc được tặng 01 bằng khen cấp thành phố (bộ, ngành, đoàn thể trung ương);

Đối với Thủ trưởng các tập thể có quy mô lớn: 02 năm liên tục đến thời điểm trình khen, cơ quan, đơn vị phải liên tục hoàn thành tốt toàn diện các chỉ tiêu thi đua và các chỉ tiêu kế hoạch, trong đó ít nhất có 01 lần được tặng bằng khen hoặc cờ thi đua cấp thành phố (bộ, ngành, đoàn thể trung ương).

2. "Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp huyện;

b) Công nhân có từ 01 sáng kiến trở lên mang lại lợi ích có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;

c) Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 01 năm trở lên, giúp đỡ 05 lượt hộ nông dân xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm cho tối thiểu 10 lao động.

3. Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc thành phố;

c) 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.”

d) Có nhiều đóng góp trong công tác an sinh xã hội đối với địa phương có giá trị từ 300 triệu đồng trở lên.

4. Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên.

Điều 17. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương các loại

Đối tượng, tiêu chuẩn xét khen thưởng thực hiện theo quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ và Điều 11, 12 của Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ Nội vụ.

Chương IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG, QUY TRÌNH XÉT KHEN THƯỞNG

Mục 1

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 18. Thẩm quyền quyết định, trao tặng

Thẩm quyền quyết định tặng thưởng và trao tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 77, 78, 79, 80, 81 Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; Khoản 2 Điều 26 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 19. Tổ chức trao tặng

1. Nghi thức tổ chức trao tặng danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ.

2. Tổ chức trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp thành phố trong dịp tổ chức hội nghị tổng kết năm công tác của cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc trong các hội nghị, các lễ kỷ niệm cấp thành phố. Người công bố quyết định khen thưởng của Chủ tịch UBND thành phố do Ban tổ chức buổi lễ phân công thực hiện. Chủ tịch UBND thành phố trực tiếp trao tặng hoặc ủy quyền trao tặng.

3. Việc tổ chức trao tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng là dịp để biểu dương, tôn vinh những điển hình tiên tiến, do vậy phải tổ chức trang trọng, thiết thực, hiệu quả, có sức lan tỏa, nêu gương. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tổ chức trao tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của mình hoặc được Chủ tịch UBND thành phố ủy quyền trao tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng của thành phố cho các tập thể, cá nhân thuộc quyền quản lý trong dịp tổ chức hội nghị tổng kết năm công tác của cơ quan, đơn vị hoặc lồng ghép vào các hội nghị, các lễ kỷ niệm có nội dung liên quan để tiết kiệm chi phí và thời gian.

Mục 2

QUY TRÌNH XÉT KHEN THƯỞNG

Điều 20. Xét trình UBND thành phố khen thưởng

1. Việc xét trình UBND thành phố khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu phải được thực hiện từ cơ sở; phải căn cứ vào kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị và kết quả đánh giá xếp loại cán bộ, công chức, viên chức cuối năm của đơn vị theo quy định; kết quả đánh giá phong trào thi đua và công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị.

2. Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ tiếp nhận, tổng hợp, thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, cụm trường, khối trường các cụm khối thi đua, trình Chủ tịch UBND thành phố xem xét, quyết định khen thưởng. Riêng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp thành phố phải được thông qua Hội đồng Khoa học, sáng kiến thành phố xem xét trước khi trình Chủ tịch UBND thành phố quyết định công nhận.

Điều 21. Xét trình khen thưởng cấp nhà nước

1. Quy trình xét trình các hình thức khen cao thực hiện theo quy định tại Luật Thi đua, Khen thưởng, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và Thông tư số 07/2014/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

2. Đối tượng đủ tiêu chuẩn được trình cấp trên khen thưởng phải được thông qua Hội đồng Thi đua, Khen thưởng thành phố theo quy chế hoạt động của Hội đồng.

Chương V

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VÀ HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 22. Trình tự, thủ tục hồ sơ đề nghị UBND thành phố khen thưởng:

1. Khen thưởng thường xuyên:

- a) Hồ sơ khen thưởng gồm 01 bộ (bản chính) và 01 bộ (photo), gồm có:
- Tờ trình đề nghị khen thưởng của các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố, UBND quận, huyện, các cụm, khối thi đua của thành phố (kèm theo danh sách).
 - Biên bản bình xét và kết quả biểu quyết, hoặc bỏ phiếu kín (đối với Cờ Thi đua, Chiến sĩ thi đua thành phố) của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố, UBND quận, huyện; các cụm, khối thi đua của thành phố.
 - Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân (theo mẫu quy định tại Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ).
 - Quyết định công nhận danh hiệu thi đua; quyết định công nhận sáng kiến cấp cơ sở. Giấy chứng nhận, quyết định công nhận hoặc biên bản nghiệm thu đề tài, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ quan có thẩm quyền (đối với đề nghị Chiến sĩ thi đua cấp thành phố).
- b) Thời hạn nộp hồ sơ chậm nhất đến ngày 15/02 năm sau; đối với ngành giáo dục và đào tạo chậm nhất 15/7 hàng năm.
- c) Trình tự thực hiện:
- Đơn vị gửi hồ sơ đến Ban Thi đua - Khen thưởng.
 - Ban Thi đua - Khen thưởng thẩm định và trình Chủ tịch UBND thành phố xem xét, quyết định (qua Văn phòng UBND thành phố).
 - Đơn vị trình khen thưởng nhận kết quả tại Ban Thi đua - Khen thưởng.
- d) Thời hạn giải quyết: Thời gian thẩm định tại Ban Thi đua - Khen thưởng không quá 10 ngày làm việc, riêng ngành giáo dục - đào tạo không quá 15 ngày. (trừ các trường hợp đề nghị công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua thành phố); tại Văn phòng UBND thành phố không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày ký nhận hồ sơ đầy đủ.
- đ) Thời hạn thông báo kết quả: Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi nhận được quyết định khen thưởng, Ban Thi đua - Khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng.

2. Khen thưởng chuyên đề

- a) Hồ sơ khen thưởng gồm 01 bộ (bản chính) và 01 bộ (photo), gồm có:
- Tờ trình đề nghị khen thưởng của cấp trình khen (kèm theo danh sách).
 - Biên bản họp xét của cấp trình khen.
 - Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân (theo mẫu quy định tại Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ).
- b) Thời hạn nộp hồ sơ: trước ngày tổ chức Hội nghị ít nhất là 10 ngày làm việc.

- c) Trình tự thực hiện:
- Đơn vị gửi hồ sơ đến Ban Thi đua - Khen thưởng.
 - Ban Thi đua - Khen thưởng thẩm định và trình Chủ tịch UBND thành phố xem xét, quyết định (qua Văn phòng UBND thành phố).
 - Đơn vị trình khen thưởng nhận kết quả tại Ban Thi đua - Khen thưởng.
- d) Thời hạn giải quyết: Thời gian thẩm định tại Ban thi đua - Khen thưởng không quá 07 ngày làm việc; tại Văn phòng UBND thành phố không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày ký nhận hồ sơ đầy đủ.
- đ) Thời hạn thông báo kết quả: Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi nhận được quyết định khen thưởng, Ban Thi đua - Khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng.

3. Khen thưởng đột xuất

- a) Hồ sơ khen thưởng gồm 01 bộ (bản chính), gồm có:
- Tờ trình đề nghị khen thưởng của cấp trình khen (kèm theo danh sách).
 - Bản tóm tắt thành tích của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp, trong đó ghi rõ hành động, thành tích, công trạng của tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc đột xuất; ảnh hưởng của thành tích đó đối với đơn vị, địa phương.
- b) Thời hạn nộp hồ sơ: trong 07 ngày làm việc kể từ ngày lập được thành tích hoặc được cơ quan có thẩm quyền công nhận.
- c) Trình tự thực hiện:
- Đơn vị gửi hồ sơ đến Ban Thi đua - Khen thưởng.
 - Ban Thi đua - Khen thưởng thẩm định và trình Chủ tịch UBND thành phố xem xét, quyết định (qua Văn phòng UBND thành phố).
 - Đơn vị trình khen thưởng nhận kết quả tại Ban Thi đua - Khen thưởng.
- d) Thời hạn giải quyết: Thời gian thẩm định tại Ban Thi đua - Khen thưởng không quá 05 ngày làm việc; tại Văn phòng UBND thành phố không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày ký nhận hồ sơ đầy đủ.
- đ) Thời hạn thông báo kết quả: trong thời hạn 02 ngày làm việc sau khi nhận được quyết định khen thưởng, Ban Thi đua - Khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng.

Điều 23. Trình tự thủ tục hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước

1. Hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch nước khen thưởng thực hiện theo quy định của Luật TĐKT, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TĐKT, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Thời gian thẩm định và thông báo kết quả khen thưởng: Theo quy định tại Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương VI QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 24. Sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng

1. Nguồn hình thành, trích lập, sử dụng quỹ thi đua khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 67 của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 và Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính và các văn bản quy phạm khác được áp dụng trên địa bàn thành phố.

2. Về tiền thưởng kèm theo danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo khoản 2 Điều 24 của Thông tư 07/2014/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

Điều 25. Quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua khen thưởng của cấp nào do cơ quan thi đua, khen thưởng cấp đó quản lý; nguồn trích, tỷ lệ và mức trích trên cơ sở dự toán kế hoạch; việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng chế độ, chính sách quy định.

2. Thủ trưởng cơ quan cấp nào ra quyết định khen thưởng thì cấp đó chịu trách nhiệm chi tiền thưởng từ nguồn tiền thưởng do cấp mình quản lý.

a) Tiền thưởng kèm theo các quyết định khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước cho các cơ quan, đơn vị quản lý hành chính nhà nước do Ủy ban nhân dân thành phố trình khen được chi từ Quỹ thi đua, khen thưởng của thành phố. Riêng đối với các địa phương (quận, huyện), các đơn vị sự nghiệp, đơn vị kinh tế trích chi từ Quỹ thi đua, khen thưởng được giao cùng với dự toán ngân sách hàng năm hoặc kinh phí của đơn vị trích lập.

b) Tiền thưởng kèm theo quyết định của Chủ tịch UBND thành phố đối với các danh hiệu và hình thức khen thưởng hàng năm được chi từ Quỹ thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị (kể cả đơn vị sự nghiệp, đơn vị kinh tế) và địa phương được giao cùng với dự toán ngân sách hàng năm hoặc kinh phí của đơn vị trích lập.

c) Tiền thưởng kèm theo quyết định của Chủ tịch UBND thành phố đối với các đối tượng khen chuyên đề (hoặc theo đợt) được chi từ Quỹ thi đua, khen thưởng của thành phố. Riêng các chuyên đề đã được ngân sách Trung ương hoặc ngân sách thành phố cấp kinh phí để chi thưởng và những đơn vị kinh tế không trích từ nguồn kinh khen thưởng của thành phố.

Điều 26. Mức tiền thưởng

Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu, hình thức khen thưởng được thực hiện theo các quy định từ Điều 70 đến Điều 76 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan ban, ngành, đơn vị thuộc thành phố; Chủ tịch UBND quận, huyện; các doanh nghiệp thành phố căn cứ Quy định này xây dựng quy định thi đua, khen thưởng phù hợp với tình hình cụ thể của cơ quan, đơn vị mình.

Điều 28. Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan ban, ngành, đơn vị thuộc thành phố; Chủ tịch UBND quận, huyện; các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có những vấn đề phát sinh, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về UBND thành phố (qua Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ) để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Hùng Dũng